

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI
Bản án số: 18/2025/HS-ST
Ngày 27-5-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ - TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Kha

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Cẩm và Bà Lê Thị Hạnh

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thái – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tham gia phiên tòa: Ông Ngô Thanh Hiền – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2025/TLST-HS ngày 13/5/2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Ánh H - sinh ngày 04/4/1974 tại thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi

Nơi cư trú: Tổ dân phố V, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Đ và con bà Nguyễn Thị N; có chồng Nguyễn Tấn T - Sinh năm 1971 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 1999; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính và hình sự.

Bị cáo tại ngoại, hôm nay có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Bà Nguyễn Thị Kim T1 – sinh năm 1968

Nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đình S – sinh năm 1985

Nơi cư trú: Thôn H, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 17 giờ 00 ngày 09/01/2025, bị can Nguyễn Thị Ánh Hồng điều khiển xe mô tô mang BKS: 76B1- 713.81 từ nhà ở TDP V, phường P, thị xã Đ đến Chợ C (ở TDP2, phường N, thị xã Đ) để mua cám gia súc nhưng không có, sau đó Hồng điều khiển xe đi về nhà. Trên đường về đến trước Cửa hàng X (địa chỉ: TDP E, phường N, thị xã Đ), H thấy có một người phụ nữ bị tai nạn giao thông ở phần đường phía Đông đường Q và bên cạnh có nhiều người dân đứng cứu giúp, H dừng xe lại phía Bắc cách vị trí tai nạn khoảng hơn 05 mét, rồi đi bộ lại vị trí người phụ nữ bị nạn nằm, lúc này có người nói “lấy điện thoại gọi cho người nhà”, H nghe vậy và thấy 01 xe mô tô hiệu Wave, màu đỏ-đen của bà Nguyễn Thị Kim T1 (sinh năm 1968, trú tại TDP3, phường N, thị xã Đ) dừng gần đó, nghĩ rằng xe mô tô trên là của người phụ nữ bị nạn nên H đi lại lấy 01 túi vải được treo ở bên phải phía dưới ổ khóa xe, rồi cầm đi lại vị trí người bị nạn, H mở dây khoá và lấy điện thoại di động trong túi vải ra thì có người nói không phải nên H cất điện thoại vào túi. Quá trình khi H lấy điện thoại ra thì có một xấp tiền mệnh giá 500.000 đồng rơi xuống đất (lúc này H chưa biết chính xác là bao nhiêu tiền), thấy tiền rơi xuống đất nên H nảy sinh lòng tham và cúi xuống lấy xấp tiền trên cuộn vào lòng bàn tay trái rồi mang túi vải cùng điện thoại di động lại xe mô tô Wave, màu đỏ-đen treo lại vị trí cũ. Sau đó, H nhanh chóng điều khiển xe mô tô của mình đi về nhà, kiểm đếm số tiền trộm được là 2.000.000 đồng (gồm 04 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng), H cất tiền vào áo mưa để trên xe mô tô BKS: 76B1- 713.81.

Sau khi đưa người bị nạn đến bệnh viện thì bà Nguyễn Thị Kim T1 điều khiển xe về nhà và kiểm tra lại túi vải treo trên xe thì thấy chỉ còn điện thoại di động, số tiền 2.000.000 đồng đã bị mất nên bà T1 đến Cơ quan Công an trình báo. Đến khoảng gần 20 giờ cùng ngày lực lượng Công an tiến hành làm việc với Nguyễn Thị Ánh H thì H khai nhận đã lấy trộm tiền của bà T1 đồng thời giao nộp số tiền 2.000.000 đồng cho Cơ quan Công an.

Tại bản cáo trạng số: 32/CT - VKS ngày 06/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ đã truy tố Nguyễn Thị Ánh H về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ đề nghị: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử bị cáo từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ

luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Ánh H khai nhận ngày 09/01/2025 đã lén lút trộm 2.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Kim T1. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại và các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo lén lút trộm cắp 2.000.000 đồng nên đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét bị cáo là công dân Việt Nam, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo thừa hiểu được rằng việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Nhưng do ý thức xem thường pháp luật nên dẫn bị cáo vào con đường phạm tội. Vì vậy cần xử bị cáo với mức án tương xứng tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Vì vậy Hội đồng xét xử không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xử bị cáo với mức án cải tạo không giam giữ cũng đủ giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Kim T1 đã nhận lại tài sản bị mất 2.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường nên không xem xét

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ánh H nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát về mức án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Đối với Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Ánh H phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ánh H 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Q nhận được quyết định thi hành án phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo Nguyễn Thị Ánh H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Kim T1 đã nhận lại tài sản bị mất 2.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường nên không xem xét

Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Thị Ánh H, người bị hại Nguyễn Thị Kim T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TX.Đức Phổ;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan THAHS CA Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TX.Đức Phổ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Minh Kha